

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HUYỆN CỬ CHI

Số: 444./2023/TB-BVCC

V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 12 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Quý Công ty (Nhà thầu)

Bệnh viện huyện Củ Chi kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Mua sắm vật tư y tế cho liên chuyên khoa răng hàm mặt của Bệnh viện huyện Củ Chi.

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

5. Địa điểm thực hiện: số 1307 Tỉnh lộ 7, Ấp Chợ Cũ 2, Xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP.HCM.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng.

7. Yêu cầu về chào giá: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan khác.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: đến ngày 21/6./2023 hoặc đến khi Bệnh viện nhận đủ báo giá theo quy định.

9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá : Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá qua email: tothau.bvcc@gmail.com và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Tổ mua sắm số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM.

Số điện thoại liên hệ: 028.66548547 (Tổ mua sắm).

10. Yêu cầu khác :

Hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên , đóng dấu);

+ Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực hoặc ký từ năm 2022 trở về sau đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế hoặc thông báo trúng thầu hoặc hóa đơn giá trị gia tăng;

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu liên quan khác.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TMS (T01).



GIÁM ĐỐC

Trần Chánh Xuân



PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thư mời chào giá số: 444.../2023/TB-BVCC,
ngày 12 tháng 6 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
I	DANH MỤC VẬT TƯ			
1	Xi măng trám răng	Fuji IX màu A3 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
2	Đánh bóng composite	Đĩa, búp * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	100	cái
3	Composite lỏng	Lỏng màu A3 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Tuýp
4	Composite lỏng	Lỏng màu A3.5 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Tuýp
5	Composite lỏng	Lỏng màu A2 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Tuýp
6	Xấp giấy đánh thuốc	Dạng giấy láng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
7	Composite đặc	Đặc màu A3 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Tuýp
8	Composite đặc	Đặc màu A4 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Tuýp
9	Mũi peeso	Số 1,2,3 (mỗi loại 10 vĩ) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	30	vĩ
10	Chổi đánh bóng	Dạng chổi cước * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	100	Cái

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
11	Etching	Axit photphoric 37 % dạng gel * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Tuýp
12	Cone trám bít ống tủy	F1 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
13	Dung dịch sát trùng tủy chết	Dexamethasone acetate, phenol, gaiacol * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	Hộp
14	Cone trám bít ống tủy	F2 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
15	Trâm điều trị tủy răng	F1 (dài 21mm) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
16	Trâm điều trị tủy răng	F2(dài 21mm) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
17	Trâm điều trị tủy răng	F3 (dài 21mm) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	3	Hộp
18	Trâm điều trị tủy răng	F1 (dài 30mm) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	Hộp
19	Kim tê nha	Số 27 dài 21 mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Hộp
20	Kim tê nha	Số 27 dài 30 mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Hộp
21	Ống hút nước bọt	Nhựa * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	50	Bịch
22	Mũi gates	Số 1 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	vĩ

STT	Tên hàng hóa		Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
23	Mũi gates		Số 2 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	vĩ
24	Nước javen bơm rửa ống tủy		Pha sẵn * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	lít
25	Trâm gai lấy tủy		Trắng, vàng ,xanh * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	60	vĩ
26	Cone giấy		Số 20 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	Hộp
27	Cone giấy		Số 25 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	Hộp
28	Trâm điều trị tủy răng		F2 (dài 30mm) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
29	Trâm điều trị tủy răng		F3 (dài 30mm) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	2	Hộp
30	Cone trám bít ống tủy		F3 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	2	Hộp
31	Chất bôi trơn ống tủy		Dạng gel * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Tuýp
32	Chỉ co nướu		Ooo * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	Hộp
33	Composite đặc		Đặc màu A35 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Tuýp
34	Sò đánh bóng		Dạng bột sệt * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	50	con

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
35	Khăn choàng xanh	Dạng khăn choàng giấy * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Bịch
36	Chất trám ống tủy	MTA hoặc tương đương * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	Tuýp
37	Mũi khoan kim cương	Búp lửa viền màu xanh (Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
38	Mũi khoan kim cương	Búp lửa viền màu vàng (Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
39	Mũi khoan kim cương	Trụ mài cùi viền màu xanh (Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Vĩ
40	Mũi khoan kim cương	Trụ mài cùi viền màu vàng(Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Vĩ
41	Mũi khoan kim cương	Trụ nhọn viền màu xanh(Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Vĩ
42	Mũi khoan kim cương	Trụ nhọn viền màu vàng(Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Vĩ
43	Mũi khoan kim cương	Trụ ngắn viền màu xanh(Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Vĩ
44	Mũi khoan kim cương	Tròn lớn (Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Vĩ
45	Mũi khoan kim cương	Tròn trung (Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Vĩ
46	Mũi khoan kim cương	Tròn nhỏ (Vĩ 5 mũi) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Vĩ

STT	Tên hàng hóa		Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
47	Trâm tay		Số 8 dài 21mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
48	Trâm tay		Số 8 dài 25mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
49	Trâm tay		Số 10 dài 21mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
50	Trâm tay		Số 10 dài 25mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
51	Trâm tay		Số 15 dài 21mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
52	Trâm tay		Số 15 dài 25mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
53	Trâm tay		Số 20 dài 21mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
54	Trâm tay		Số 20 dài 25mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
55	Trâm tay		Số 25 dài 21mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
56	Trâm tay		Số 25 dài 25mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
57	Trâm tay		Số 30 dài 21mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
58	Trâm tay		Số 30 dài 25mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
59	Trâm tay	Số 35 dài 21mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
60	Trâm tay	Số 35 dài 25mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
61	Trâm tay	Số 40 dài 21mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
62	Trâm tay	Số 40 dài 25mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Vĩ
63	Dầu tra tay khoan	Dạng bình xịt bôi trơn tay khoan * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	3	Hộp
64	Thuốc trám tạm	Xi măng trám tạm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
65	Thuốc tê bôi	Dạng gel * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
II	DANH MỤC VẬT TƯ DỊCH VỤ			
66	Ống hút phẫu thuật	Nhựa * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Bịch
67	Mũi khoan cắt xương	702 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	100	Mũi
68	Cao su	Đặc HD * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
69	Cao su	Lỏng HD (trộn tay) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	Hộp

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
70	Alginate	Vật liệu lấy dấu răng giả * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Cái
71	Thạch cao vàng	Vật liệu đổ mẫu * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	20	Cái
72	Sáp cắn	Sáp lá * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Hộp
73	Sáp lấy vành khít	Dạng cây nhựa dẻo * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	5	Hộp
74	Ống bơm cao su lỏng	Dùng để bơm cao su vào nơi làm phục hình * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	2	Cái
75	Súng trộn cao su lỏng	Trộn hỗn hợp cao su lấy dấu * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	1	Cái
76	Cao su	Lỏng(DMG) trộn súng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	10	Ống
77	Cao su	Đặc (DMG) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	3	Hộp
78	Vật liệu làm răng tạm Veneer	Làm răng tạm Luxatemp hoặc tương đương * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	15	Ống
79	Vật liệu gắn sứ veneer	Vairiolin II hoặc tương đương * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	2	Bộ
80	Miếng cao su cách giữa răng thật và răng giả	Tanplase hoặc tương đương * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	4	Cuộn

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
81	Mũi mài veneer hoặc tương đương	Mũi định vị * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	30	Mũi
82	Mũi mài veneer hoặc tương đương	Mũi xóa * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	30	Mũi
83	Mũi mài veneer hoặc tương đương	Mũi bên * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	30	Mũi
84	Mũi mài veneer hoặc tương đương	Mũi bên nhỏ * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	30	Mũi
85	Mũi mài veneer hoặc tương đương	Mũi đánh bóng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	30	Mũi
86	Mũi mài veneer hoặc tương đương	Mũi ngọn lửa * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	30	Mũi
87	Bảng so màu cùi	Vivadent hoặc tương đương * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	1	Hộp
88	Xi măng gắn sứ	Fuji One hoặc tương đương * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	3	Hộp

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện huyện Củ Chi

“.....(tên đơn vị)..... có địa chỉ tại..... số đăng ký kinh doanh....., số điện thoại liên hệ email”

Căn cứ thông báo mời chào giá của Bệnh viện huyện Củ Chi và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bản báo giá các hàng hóa như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mã ký hiệu/Chứng loại	Thành phần, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Hãng/Nước Chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Tiêu chuẩn chất lượng	Thời gian giao hàng	Giá trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn vị trúng thầu (nếu có)	Ghi chú
1																				
2																				
...																				
TỔNG CỘNG (..... KHOẢN)																				
Bảng chữ:																				

Ghi chú:

- Nhà thầu điền đầy đủ thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có).
- Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).
- Báo giá có hiệu lực:..... kể từ ngày báo giá.
- Nội dung nào không có thông tin nhà thầu để trống.

....., Ngày ... tháng ... năm 2023

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

